

Bản án số: 13/2018/HN-PT
Ngày: 28-6-2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước
mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/HNGĐ-PT
ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 30
tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo,
kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXPT-HNGĐ ngày
15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1995; trú tại: ấp T, xã T, huyện
B, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

Bị đơn: Anh Lê Nguyễn D, sinh năm 1993; trú tại: ấp T, xã T, huyện B,
tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc
T, là Luật sư của Công ty luật A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
“Có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị G, sinh năm 1983 “Có mặt”

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978 “Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn Anh Lê Nguyên D.

Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và quá trình làm việc với Tòa án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Võ Thị Kim C và Anh Lê Nguyên D tự nguyện kết hôn vào tháng 10/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C và anh D thuận tình ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, chị C và anh D có 01 (một) con chung tên Lê Nhật T, sinh ngày 03-01-2015, hiện cháu T đang sống cùng với anh D. Chị C và anh D thỏa thuận khi ly hôn thì anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị C không cấp dưỡng nuôi con do hiện nay chị C thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung:

Nguyên đơn chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc anh D cho rằng chị có trúng 01 tờ vé số giải đặc biệt vào ngày 02-8-2017 của Công ty xổ số kiến thiết (XSKT) tỉnh Đồng Nai với số tiền 2.000.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi giải thưởng này thì chị C không đồng ý. Chị C khẳng định không trúng vé số như anh D trình bày, mà người trúng vé số là Dì ruột của chị C (tức chị Phạm Thị G)

Bị đơn anh D cho rằng vào ngày 02-8-2017, chị C có trúng 01 tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai, giải đặc biệt 2.000.000.000đồng, việc chị C trúng vé số có nhiều người làm chứng biết và được người bán vé số xác nhận. Sau khi trừ thuế các chi phí thì còn lại 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Anh D yêu cầu chị C chia cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền thưởng là 800.000.000đ. Ngoài ra anh D không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị G cho rằng vào ngày 02-8-2017, chị có trúng 01 tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai, giải đặc biệt 2.000.000.000đ, tờ vé số trúng thưởng có dãy số là 457308, chứ không phải chị C là người trúng số. Nay anh D yêu cầu chị C phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền trúng số thì chị G yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng gồm: Chị Dương Thị Ngọc Y, anh Lê Văn D, chị Lê Thanh T, chị Trần Thị T, chị Đặng Kim T, chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác định chị C là người trúng 01 tờ vé số giải đặc biệt của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai vào ngày 02-8-2017.

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 30-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Võ Thị Kim C và anh Lê Nguyên D.*

- *Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Lê Nhật T, sinh ngày 03-01-2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.*

- *Về tài sản chung, nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh D đòi chị C chia cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền trúng vé số 800.000.000 đồng.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30-3-2018, bị đơn Anh Lê Nguyên D có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với lý do Tòa án tuyên án không trung thực, không khách quan, không phù hợp với tình tiết vụ án cũng như nội dung diễn biến tại phiên tòa về phần chia tài sản. Anh D đề nghị được chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung với số tiền 800.000.000 đồng.

Ngày 12-4-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước có quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm về phần tài sản.

*** Tại phiên tòa:**

+ Các đương sự giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu của mình.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D cho rằng không có căn cứ xác định chị G là người trúng vé số, bởi theo xác nhận của bà Đặng Kim T - là người bán vé số đã xác định trong ngày 02-8-2017, tại khu vực chợ T, huyện B có 08 người trúng giải đặc biệt của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai. Thông thường, khi Đại lý vé số giao vé số cho người bán sẽ giao nguyên seri, không tách rời riêng lẻ từng số. Hơn nữa, những người làm chứng trong vụ án không có mâu thuẫn gì với chị C cũng xác định chị C là người trúng số và tổ chức tiệc ăn mừng, cũng như cho những người làm chứng tiền. Vì vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh D, buộc chị C phải thanh toán cho anh D ½ số tiền trúng số còn lại sau khi trừ các khoản chi phí là 800.000.000 đồng.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết án tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự trình bày có nhiều mâu thuẫn nhưng Cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là vi phạm; số tiền trúng số các đương sự trình bày mâu thuẫn, khác nhau về việc sử dụng số tiền này, nhưng Cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; chị G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào hòa giải, đối chất, không hướng dẫn để chị G làm đơn yêu cầu độc lập là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị, hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với nội dung giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Nguyên D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B thấy rằng:

Bị đơn anh Lê Nguyên D cho rằng ngày 02-8-2017, chị C có trúng 01 tờ vé số giải đặc biệt mang ký hiệu 8k1 với dãy số 457308 của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau đó gia đình tổ chức ăn mừng, đến 03 giờ sáng ngày 03-8-2017, anh D và chị C thuê xe 07 chỗ của Du lịch Hoàng Hải

đi lãnh thưởng. Khi đi lãnh thưởng anh D và chị C đi cùng với Phạm Thị G, ông L, Lê Văn D, Dương Thị Ngọc Y. Khi lãnh tiền do vợ chồng anh D, chị C không có thẻ ATM nên đã nhờ Dì ruột của chị C là chị Phạm Thị G làm thủ tục đứng tên lãnh thưởng giùm. Tuy nhiên, do thẻ ATM của chị G mở tại quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên sợ việc rút tiền thưởng sẽ khó khăn nên các bên đã thống nhất nhận tiền mặt 1.801.000.000 đồng sau khi nộp thuế theo quy định. Sau khi nhận tiền thì anh D là người trực tiếp bỏ tiền vào bao và mang ra xe, về đến huyện B có đến cửa hàng bán xe Phong Phú mua 01 xe máy hiệu Honda Vision với số tiền 34.500.000 đồng và đến cửa hàng Điện máy xanh mua điện thoại J7Pro với số tiền 8.400.000 đồng với phương thức trả góp. Khoảng 02 giờ chiều, anh D chị C đến Ngân hàng Agribank chi nhánh B nộp số tiền 1.300.000.000 đồng vào tài khoản của chị C và nộp số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của bà Phạm Thị T (mẹ ruột của chị C). Số tiền còn lại anh D chị C mang về cho người thân 02 bên gia đình, một số người quen ở tiệm tóc Yến chợ T, chị bán về số Đặng Kim T và mua 01 tấn gạo, 100 thùng mì để phát cho người nghèo. Sau đó 01 tháng, chị C nhận chuyển nhượng 01 thửa đất có giá 700.000.000 đồng đứng tên bà Phạm Thị T, khi thỏa thuận chuyển nhượng có anh D đo đạc và cắm mốc ranh giới đất.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn căn cứ vào lời trình bày của anh D và người làm chứng, nhất là lời trình bày của bà Đặng Kim T - là người bán vé số cho chị C để khẳng định chị C là người trúng số. Do vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị C phải thanh toán cho anh D $\frac{1}{2}$ số tiền trúng thưởng sau khi trừ các khoản chi phí là 800.000.000 đồng.

Những người làm chứng trong vụ án căn cứ vào việc chị C tổ chức tiệc ăn mừng cũng như có chứng kiến chị C anh D làm thủ tục lãnh thưởng và số tiền chị C cho đã xác định chị C là người trúng vé số giải đặc biệt với dãy số trúng thưởng là 457308 vào ngày 02-8-2017 của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị G không thống nhất nội dung nêu trên và cho rằng chị G mới là người trúng vé số, thể hiện qua việc chị G trực tiếp làm thủ tục lãnh thưởng và cho chị C anh D mượn số tiền 50.000.000 đồng để mua xe Honda Vision; trả nợ cho bà Phạm Thị T 180.000.000 đồng và cho thêm bà Phạm Thị T 120.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng qua hình thức nộp tiền vào tài khoản của bà Phạm Thị T; ngoài ra chị G còn mua gạo và mì tôm phát cho người nghèo.

Xét lời trình bày của các đương sự và người làm chứng có nhiều mâu thuẫn về việc xác định ai là người trúng vé số, thủ tục lãnh thưởng và việc sử dụng số tiền trúng thưởng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất làm rõ là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 100 BLTTDS năm 2015.

[2] Bị đơn anh D cho rằng sau khi nhận tiền trúng số, anh D và chị C đã sử dụng khoản tiền này để mua xe Honda Vision, mua điện thoại J7Pro và Samsung S8 plus với phương thức trả góp, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T, huyện B với số tiền khoảng 700.000.000 đồng, tặng cho tiền người thân gia đình và bạn bè hết khoảng 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, mua 01 tấn gạo và 100 thùng mì tôm hết khoảng 15.000.000đ đến 16.000.000 đồng để phát cho người nghèo. Như vậy, tổng số tiền chi tiêu sử dụng sau khi lãnh thưởng khoảng 800.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ các khoản này là thiếu sót, chỉ dựa vào lời khai của các bên để không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh D, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, giải quyết vụ án chưa triệt để.

[3] Theo lời khai của anh D, chị C và chị G, sau khi đi lãnh thưởng về, vào chiều ngày 03-8-2017, chị G có nộp vào tài khoản của bà Phạm Thị T số tiền 300.000.000 đồng (nhờ chị C nộp thay). Hơn nữa, sau khi lãnh thưởng tiền trúng số, chị C đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T, huyện B đứng tên bà Phạm Thị T. Đồng thời, bà Phạm Thị T trình bày có cho chị C và anh D mượn số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Phạm Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành lấy lời khai của bà Phạm Thị T mà không đưa bà Phạm Thị T vào hòa giải, đối chất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T. Hơn nữa, tại khi xét xử sơ thẩm (Bản án sơ thẩm số 11/2018/HNGĐ-ST), Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Phạm Thị T vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Tương tự trường hợp của bà Phạm Thị T, giữa anh D với chị C, chị G có tranh chấp về việc ai là người trúng số nên xác định chị G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa chị G vào hòa giải, đối chất. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, chị G yêu cầu được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng Tòa sơ thẩm không hướng dẫn, giải thích cho chị G làm đơn yêu cầu độc lập là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị G.

[5] Ngoài các vi phạm nghiêm trọng nêu trên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định về thủ tục tổng đạt, niêm yết cho đương sự quy định tại Điều 179 BLTTDS năm 2015, cụ thể là các biên bản niêm yết văn bản tố tụng chỉ được lập 01 bản, trong khi phải thực hiện niêm yết tại 03 nơi theo quy định (tại nơi cư trú của đương sự, tại trụ sở UBND xã và tại trụ sở Tòa án). Những vi phạm này cần thiết phải nhắc nhở để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa làm rõ sự thật khách quan của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, một phần kháng nghị, hủy Bản án sơ thẩm đối với nội dung giải quyết về tài sản là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Lê Nguyên D.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Hủy một phần Bản án sơ thẩm 11/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đối với nội dung giải quyết về tài sản. Chuyển hồ sơ vụ án về Cấp sơ thẩm để giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Võ Thị Kim C và anh Lê Nguyên D.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Lê Nhật T, sinh ngày 03-01-2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Nhật T đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Kim C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016660 ngày 03-10-2017.

Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Lê Nguyên D không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước trả lại cho anh D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016864 ngày 04-4-2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh